

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân.
- Luyện kĩ năng viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân.
- HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3, 4(a,c).

2. Năng lực chung:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Điền nhanh, điền đúng" 72m5cm =m 15m50cm=m 10m2dm =.....m 9m9dm =m 50km200m =.....km 600km50m =km - GV nhận xét - Giới thiệu bài – máy chiếu	- Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 6 bạn thi tiếp sức, đội nào đúng và nhanh hơn thì thắng cuộc. 72m5cm = 72,05m 15m50cm= 15,5m 10m2dm =10,2m 9m9dm = 9,9m 50km200m = 50,2km 600km50m = 600, 050km - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (30 phút)	
*Mục tiêu: - Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân. - HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3, 4(a,c) . - HS(M3,4) làm bài tập 4b *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét HS	- 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ kết quả $35\text{m } 23\text{cm} = 35\frac{23}{100}\text{m} = 35,23\text{m}$ $51\text{dm } 3\text{cm} = 51\frac{3}{10}\text{dm} = 51,3\text{dm}$ $14,7\text{ m} = 14\frac{7}{100}\text{m} = 14,07\text{m}$

Bài 2: HĐ nhóm - GV gọi HS đọc đề bài. - GV chiếu: $315\text{cm} = \dots \text{m}$ và yêu cầu HS thảo luận để tìm cách viết 315 thành số đo có đơn vị là mét. - GV nhận xét và hướng dẫn lại cách làm như SGK đã giới thiệu. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, kết luận Bài 3: HĐ cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Cho HS làm bài cá nhân - GV nhận xét Bài 4(a, c): HĐ cặp đôi - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV YC HS thảo luận để tìm cách làm. - GV cho HS phát biểu ý kiến trước lớp. - GV nhận xét các cách mà HS đưa ra, sau đó hướng dẫn lại cách mà SGK đã trình bày hoặc cho HS có cách làm như SGK trình bày tại lớp. - GV yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài. - GV yêu cầu HS soát vở để kiểm tra kết quả Bài 4(b,d)(M3,4): HĐ cá nhân - Cho HS làm bài cá nhân. - GV nhận xét	- 1 HS đọc yêu cầu của bài trước lớp. - HS thảo luận nhóm 4, sau đó một số HS nêu ý kiến trước lớp. - Nghe GV hướng dẫn cách làm. - HS làm bài vào vở, báo cáo kết quả $234\text{cm} = 200\text{cm} + 34\text{cm} = 2\text{m}34\text{cm}$ $= 2\frac{34}{100}\text{m} = 2,34\text{m}$ $506\text{cm} = 500\text{cm} + 6\text{cm}$ $= 5\text{m}6\text{cm} = 5,06\text{m}$ - HS đọc đề bài trước lớp. - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ kết quả a. $3\text{km } 245\text{m} = 3,245\text{km}$ b. $5\text{km } 34\text{m} = 5,34\text{km}$ c. $307\text{m} = 0,307\text{km}$ - HS đọc thầm đề bài trong SGK. - HS trao đổi cách làm. - Một số HS trình bày cách làm - HS cả lớp theo dõi bài làm mẫu. - HS làm bài : a) $12,44\text{m} = 12\frac{44}{100}\text{m} = 12\text{ m} + 44\text{ cm} = 12,44\text{m}$ c) $3,45\text{km} = 3\frac{450}{1000}\text{km} = 3\text{km } 450\text{m} = 3450\text{m}$ - HS làm bài cá nhân, báo cáo giáo viên b) $7,4\text{dm} = 7\text{dm } 4\text{cm}$ d) $34,3\text{km} = 34\text{km}300\text{m} = 34300\text{m}$
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm bài sau: <i>Điền số thích hợp vào chỗ chấm:</i> $72\text{m}5\text{cm} = \dots\text{m}$ $10\text{m}2\text{dm} = \dots\text{m}$ $50\text{km} = \dots\text{km}$	- HS làm bài

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Tập đọc
Tiết 17: CÁI GÌ QUÝ NHẤT?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu vấn đề tranh luận và ý được khẳng định qua tranh luận: Người lao động là đáng quý nhất. (Trả lời được các câu hỏi 1,2,3)
- Đọc diễn cảm toàn bài văn; biết phân biệt lời người dẫn chuyện và lời nhân vật.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng đọc diễn cảm, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện"đọc thuộc lòng đoạn thơ mà em thích trong bài thơ: <i>Trước cổng trời</i>. - GV nhận xét, tuyên dương - <i>Giới thiệu bài:</i> GV nêu mục đích yêu cầu bài	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (10 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> - Rèn đọc đúng từ , đọc đúng câu, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. - Đọc đúng các từ khó trong bài.	
* <i>Cách tiến hành:</i>	
- Yêu cầu 1 HS đọc toàn bài - Cho HS chia đoạn - Cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm - GV chú ý sửa lỗi phát âm - Luyện đọc theo cặp - Gọi HS đọc toàn bài - GV đọc mẫu toàn bài	- 1 HS đọc, HS cả lớp nghe. - HS chia đoạn: 3 đoạn + Đoạn 1: <i>Một hôm... được không ?</i> + Đoạn 2: <i>Quý và Nam... phân giải</i> + Đoạn 3: <i>Còn lại</i> - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc - 3 HS đọc nối tiếp lần 1 + luyện đọc từ khó, câu khó - 3 HS đọc nối tiếp lần 2+ giải nghĩa từ - 2 HS đọc cho nhau nghe - 1 HS đọc - HS nghe
2.2. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> Hiểu vấn đề tranh luận và ý được khẳng định qua tranh luận: Người lao động là đáng quý nhất. (Trả lời được các câu hỏi 1,2,3)	
* <i>Cách tiến hành:</i>	

- Cho HS thảo luận nhóm đọc bài và TLCH, báo cáo kết quả - Theo Hùng, Quý, Nam cái gì quý nhất trên đời? - Mỗi bạn đưa ra lí lẽ như thế nào để bảo vệ ý kiến của mình? - Vì sao thầy giáo cho rằng người lao động mới là quý nhất? - GV khẳng định cái đúng của 3 HS : lúa gạo vàng bạc thì giờ đều quý nhưng chưa phải là quý nhất. Không có người lao động thì không có lúa gạo vàng bạc và thì giờ cũng trôi qua một cách vô vị vì vậy người lao động là quý nhất - Chọn tên khác cho bài văn? - Nội dung của bài là gì?	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận TLCH sau đó báo cáo + Hùng cho rằng lúa gạo quý nhất, Quý cho rằng vàng bạc quý nhất, Nam cho rằng thì giờ quý nhất. + Hùng: lúa gạo nuôi sống con người + Quý: có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo + Nam: có thì giờ mới làm được ra lúa gạo vàng bạc + HS nêu lí lẽ của thầy giáo “Lúa gạo quý vì ta phải đổ bao mồ hôi mới ” + HS nghe - HS nêu: <i>Cuộc tranh luận thú vị, Ai có lí, Người lao động là quý nhất....</i> - Người lao động là đáng quý nhất .
3. Hoạt động luyện đọc diễn cảm:(8 phút) * Mục tiêu: Đọc diễn cảm bài văn * Cách tiến hành:	
- 1 HS đọc toàn bài - GV treo bảng phụ ghi đoạn văn cần luyện đọc - GV hướng dẫn luyện đọc - GV đọc mẫu - HS luyện đọc - HS thi đọc - GV nhận xét. - HS(M3,4) đọc diễn cảm được toàn bài.	- 1 HS đọc - HS đọc theo cặp - HS theo dõi - HS nghe - 5 HS đọc theo cách phân vai - 5 học sinh đọc lời 5 vai: Dẫn chuyện, Hùng, Quý, Nam, thầy giáo - Chú ý đọc phân biệt lời nhân vật, diễn tả giọng tranh luận sôi nổi của 3 bạn, lời giảng ôn tồn, chân tình, giàu sức thuyết phục của thầy giáo. - HS nghe, dùng chì gạch chân những từ cần nhấn giọng. - Nhóm 5 phân vai và luyện đọc
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Em sử dụng thời gian như thế nào cho hợp lí ?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Chính tả

Tiết 9: TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết đúng bài chính tả. Trình bày đúng các khổ thơ, dòng thơ theo thể thơ tự do.
- Vận dụng kiến thức làm được BT2a, BT3a.
- Giáo dục ý thức viết đúng chính tả, giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử

- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi: Viết những tiếng có vần <i>uyên, uyết</i> . Đội nào tìm được nhiều từ và đúng hơn thì đội đó thắng. - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS chia thành 2 đội chơi tiếp sức - HS nghe - HS viết vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Chuẩn bị viết chính tả:(7 phút)	
<i>*Mục tiêu:</i> - HS nắm được nội dung đoạn viết và biết cách viết các từ khó. - HS có tâm thế tốt để viết bài. <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Trao đổi về nội dung bài</i> - Gọi HS đọc thuộc lòng bài thơ - Bài thơ cho em biết điều gì ? <i>* Hướng dẫn viết từ khó</i> - Yêu cầu HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả. - Yêu cầu HS luyện đọc và viết các từ trên - Hướng dẫn cách trình bày: + Bài thơ có mấy khổ? Cách trình bày mỗi khổ thơ như thế nào? + Trình bày bài thơ như thế nào? + Trong bài thơ có những chữ nào phải viết hoa?	- 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ - Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì vĩ của công trình, sức mạnh của những người đang chinh phục dòng sông với sự gắn bó, hoà quyện giữa con người với thiên nhiên. - HS nêu: <i>Ba-la-lai-ca, ngâm nghĩ, tháp khoan, lấp lánh bờ ngõ</i> - HS đọc và viết + Bài thơ có 3 khổ thơ, giữa mỗi khổ thơ để cách một dòng. + Lùi vào 1 ô viết chữ đầu mỗi dòng thơ + Trong bài thơ có những chữ đầu phải viết hoa.

2.2. HĐ viết bài chính tả. (15 phút) *Mục tiêu: Viết đúng bài chính tả. Trình bày đúng các khổ thơ, dòng thơ theo thể thơ tự do. *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu lần 1. - GV đọc lần 2 (đọc chậm) - GV đọc lần 3.	- HS theo dõi. - HS viết theo lời đọc của GV. - HS soát lỗi chính tả.
2.3. HĐ chấm và nhận xét bài (3 phút) *Mục tiêu: Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn. *Cách tiến hành:	
- GV chấm 7-10 bài. - Nhận xét bài viết của HS.	- Thu bài chấm - HS nghe
3. HĐ luyện tập, thực hành: (8 phút) * Mục tiêu: Vận dụng kiến thức làm được BT2a,BT3a. * Cách tiến hành:	
Bài 2(a): HĐ nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS làm theo nhóm 4 để hoàn thành bài và gắn lên bảng lớp, đọc kết quả - GV nhận xét chữa bài Bài 3(a): HĐ trò chơi - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Cho HS tổ chức thi tìm tiếp sức. Chia lớp thành 2 đội: - Mỗi HS chỉ được viết 1 từ khi HS viết xong thì HS khác mới được lên viết - Nhóm nào tìm được nhiều từ thì nhóm đó thắng - Tổng kết cuộc thi	- HS đọc yêu cầu - HS thảo luận nhóm 4 và làm vào bảng nhóm + La- na: la hét- nét na, con na- quả na, lê la- nu na nu nóng... + Lê- nẻ: lê loi- nứt nẻ, tiền lê- nẻ mặt đơn lê- nẻ toác... + Lo- no: lo lắng- ăn no, lo nghĩ- no nê lo sợ- ngủ no mắt ... + Lở- nở: đất nở- bột nở, lở loét- nở hoa lở mồm- nở mặt nở mày - HS đọc yêu cầu - HS tham gia trò chơi dưới sự điều khiển của trưởng trò
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS điền vào chỗ trống l/n để hoàn chỉnh câu thơ sau: <i>Tới đây, treưaà nhà</i> <i>Giò phong.. ..an ...ở nhánh hoa nhụy..</i>	- HS điền <i>Tới đây, tre nửa là nhà</i> <i>Giò phong lan nở nhánh hoa nhụy vàng.</i>

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Đạo đức

BÀI 5: TÌNH BẠN (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết được bạn bè cần phải đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là khi khó khăn hoạn nạn.
- Đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là khi khó khăn hoạn nạn. Cư xử tốt với bạn bè trong cuộc sống hàng ngày.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Cư xử tốt với bạn bè trong cuộc sống hàng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính, trang ảnh minh họa.
- **Học sinh:** Đọc trước bài, SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
- Hát bài: <i>Lớp chúng ta đoàn kết</i> - Giới thiệu bài, ghi đầu bài	- HS hát - HS nghe
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Biết được bạn bè cần phải đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là khi khó khăn hoạn nạn. - Cư xử tốt với bạn bè trong cuộc sống hàng ngày. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>Hoạt động 1:</i> Thảo luận cả lớp <i>Cách tiến hành:</i> + Lớp chúng ta có vui như vậy không? + Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta không có bạn bè? + Trẻ em có quyền được tự do kết bạn không? Em biết điều đó từ đâu? <i>Kết luận:</i> Trong cuộc sống mỗi chúng ta ai cũng cần phải có bạn bè và trẻ em cũng cần phải có bạn bè, có quyền tự do kết giao bạn bè. <i>Hoạt động 2:</i> Tìm hiểu câu chuyện "Đôi bạn" <i>* Cách tiến hành.</i> - GV kể chuyện "Đôi bạn" + Truyện có những nhân vật nào? - Yêu cầu 3 HS đóng vai theo nội dung. - GV nhận xét tuyên dương - GV dán băng giấy có 2 câu hỏi (như	- HS nêu. + Buồn tẻ và chán, cô đơn. + Trẻ em có quyền tự do kết bạn. Em biết điều đó từ bố mẹ, sách báo, trên truyền hình. - 1HS kể lại truyện. + Có ba nhân vật: Hai người bạn và con gấu. - 3 HS lên bảng: Các em tự phân vai và diễn. - HS thảo luận nhóm 2

SGK, 17) cho HS thảo luận 2 câu hỏi trên. + Em có nhận xét gì về hành động bỏ bạn chạy thoát thân? + Qua câu chuyện kể trên em có thể rút ra điều gì về cách đối xử với bạn bè? - Kết luận: Bạn bè cần phải biết yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, nhất là những lúc khó khăn hoạn nạn Hoạt động 3: Làm bài tập SGK Cách tiến hành - Yêu cầu HS làm bài tập 2 - HS trao đổi bài làm - Cho HS trình bày cách ứng xử trong mỗi tình huống và giải thích lý do và tự liên hệ. - GV nhận xét và kết luận về cách ứng xử trong mỗi tình huống, giải thích lý do và tự liên hệ.	- HS trình bày ý kiến trước lớp. + Hành động đó là một người bạn không tốt, không có tinh thần đoàn kết, một người bạn không biết giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn. + Khi đã là bạn bè, chúng ta cần phải yêu thương đùm bọc lẫn nhau; giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ trong học tập, giúp đỡ bạn mình vượt qua khó khăn hoạn nạn. - HS làm vào vở - Nhóm 2. - Học sinh trình bày trước lớp - Lớp nhận xét, bổ sung - HS tiếp nối nêu. - 2 - 3 em đọc.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5phút)	
- Nêu gương tốt về tình bạn ở trường, ở lớp,...?	- HS nêu
- Sưu tầm truyện, ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát...về chủ đề tình bạn - Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.
- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học, rèn luyện tính cẩn thận.

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: vở Luyện tập Tiếng Việt.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: Bài tập - Luyện tập TV Bài 1: Đọc hiểu: Tam Đảo *Đọc đoạn: HS nối tiếp đọc các đoạn của bài (3 lượt) * Yêu cầu luyện đọc nhóm cặp * Đọc diễn cảm: - HS khá đọc bài. YC tìm cách đọc đúng, hay. - GV đọc mẫu. - HS đọc bài theo nhóm cặp. - Thi đọc diễn cảm - Nhận xét tuyên dương. - Phần tiếp theo yêu cầu gì? - Muốn khoanh đúng em dựa vào đâu? - Y/c HS làm bài - Y/c HS thảo luận nhóm đôi (1 p), - Chữa bài miệng. - GV tổ chức cho HS chữa bài: - GV chốt câu trả lời đúng: 1.b, 2.c, 3.học sinh trả lời theo cách hiểu, 4g, 5 HS trả lời. * 6 - Gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS trình bày. - GV nhận xét khen HS có lời giải thích hay. 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2	- HS thực hiện theo yêu cầu - Hs thực hiện YC - HS luyện đọc nhóm cặp * Luyện đọc diễn cảm - 1 HS khá đọc bài, cả lớp tìm cách đọc hay. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 2. - 3 HS thi đọc - Hs nhận xét và bình chọn - Khoanh vào các ý đúng. - HS trả lời - HS chữa bài miệng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi - 3 HS nối tiếp nêu - HS làm theo y/c của GV - HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS trình bày bài làm - HS trả lời

phút)

- Hỏi học sinh: + Nêu ý nghĩa của bài.
- Giáo viên đánh giá khen trước lớp.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ ba ngày 31 tháng 10 năm 2023

Toán

Tiết 42: VIẾT CÁC SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Ghi nhớ bảng đơn vị đo khối lượng, mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng liền kề, quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng thông dụng.
- Biết viết số đo khối lượng dưới dạng số thập phân.
- HS cả lớp làm được bài 1, 2(a), 3.

2. Năng lực chung:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS nhắc lại cách viết số đo độ dài dưới dạng STP - GV giới thiệu: Trong tiết học này chúng ta cùng ôn tập về bảng đơn vị đo khối lượng và học cách viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân- Ghi bảng	- HS nhắc lại - HS nghe và ghi vở
2. Hoạt động ôn tập bảng đơn vị đo khối lượng:(15 phút) <i>*Mục tiêu:-</i> Nêu được tên các đơn vị đo khối lượng. - Quan hệ giữa các đơn vị liền kề. - Quan hệ giữa các đơn vị đo thông dụng. <i>*Cách tiến hành:</i>	
*Ôn tập về các đơn vị đo khối lượng + <i>Bảng đơn vị đo khối lượng</i> - GV yêu cầu HS kể tên các đơn vị đo khối lượng theo thứ tự từ bé đến lớn. - GV gọi 1 HS lên bảng viết các đơn vị đo khối lượng vào bảng các đơn vị đo đã kẻ sẵn. + <i>Quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề</i> - GV yêu cầu : Em hãy nêu mối quan hệ giữa ki-lô-gam và héc-tô-gam,	- 1 HS kể trước lớp, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến. - HS viết để hoàn thành bảng. - HS nêu :

giữa ki-lô-gam và yến. - GV viết lên bảng mối quan hệ trên vào cột ki-lô-gam. - GV hỏi tiếp các đơn vị đo khác. sau đó viết lại vào bảng đơn vị đo để hoàn thành bảng đơn vị đo khối lượng như phần đồ dùng dạy học. - Em hãy nêu mối quan hệ giữa hai đơn vị đo khối lượng liền kề nhau. + <i>Quan hệ giữa các đơn vị đo thông dụng</i> - GV yêu cầu HS nêu mối quan hệ giữa tấn với tạ, giữa ki-lô-gam với tấn, giữa tạ với ki-lô-gam. * Hướng dẫn viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân. - GV nêu ví dụ : Tìm số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm : $5\text{ tấn } 132\text{ kg} = \dots \text{ tấn}$ - GV yêu cầu HS thảo luận để tìm số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống. - GV nhận xét các cách làm mà HS đưa ra.	- $1\text{ kg} = 10\text{ hg} = \frac{1}{10}\text{ yến}$ * Mỗi đơn vị đo khối lượng gấp 10 lần đơn vị bé hơn tiếp liền nó. * Mỗi đơn vị đo khối lượng bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị tiếp liền nó. - $1\text{ tấn} = 10\text{ tạ}$ - $1\text{ tạ} = \frac{1}{10}\text{ tấn} = 0,1\text{ tấn}$ - $\text{tấn} = 1000\text{ kg}$ - $1\text{ kg} = \frac{1}{1000}\text{ tấn} = 0,001\text{ tấn}$ - $1\text{ tạ} = 100\text{ kg}$ - HS nghe yêu cầu của ví dụ. - HS thảo luận, sau đó một số HS trình bày cách làm của mình trước lớp, HS cả lớp cùng theo dõi và nhận xét. - HS cả lớp thống nhất cách làm. $5\text{ tấn } 132\text{ kg} = 5\frac{132}{1000}\text{ tấn} = 5,132\text{ t}$ Vậy $5\text{ tấn } 132\text{ kg} = 5,132\text{ tấn}$
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) *<i>Mục tiêu:</i> - Biết viết số đo khối lượng dưới dạng số thập phân. - HS cả lớp làm được bài 1, 2(a), 3 - HS(M3,4) làm các bài còn lại *<i>Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV chữa bài.	- HS đọc yêu cầu - HS cả lớp làm vở, báo cáo kết quả a. $4\text{ tấn } 562\text{ kg} = 4,562\text{ tấn}$ b. $3\text{ tấn } 14\text{ kg} = 3,014\text{ kg}$ c. $12\text{ tấn } 6\text{ kg} = 12,006\text{ kg}$

Bài 2a: HD cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài toán. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV kết luận về bài làm đúng . Bài 3: HD cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài. - GV yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét Bài 2(b)M3,4: HD cá nhân - Cho HS làm bài - GV hướng dẫn nếu HS gặp khó khăn	d. $500\text{kg} = 0,5\text{kg}$ - HS đọc yêu cầu của bài toán trước lớp. - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ kết quả a) $2\text{kg } 50\text{g} = 2\frac{50}{1000}\text{kg} = 2,050\text{kg}$ $45\text{kg } 23\text{g} = 45\frac{23}{1000}\text{kg} = 45,023\text{kg}$ - 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi - HS cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả Bài giải Lượng thịt để nuôi 6 con sư tử trong 1 ngày là: $9 \times 6 = 54 \text{ (kg)}$ Lượng thịt để nuôi 6 con sư tử trong 30 ngày là: $54 \times 30 = 1620 \text{ (kg)}$ $1620\text{kg} = 1,62 \text{ tấn}$ Đáp số : 1,62 tấn - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên 2 tạ 50kg = 2,5 tạ 3 tạ 3kg = 3,03 tạ 34kg = 0,34 tạ 450kg = 4,5 tạ
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm bài tập sau: <i>Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:</i> 24kg500g =kg 6kg20g =kg 5 tạ 40kg =tạ	- HS làm

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được các từ ngữ thể hiện sự so sánh, nhân hoá trong mẩu chuyện Bầu trời mùa thu (BT1,BT2) .
- Viết được đoạn văn tả cảnh đẹp quê hương, biết dùng từ ngữ, hình ảnh so sánh, nhân hoá khi miêu tả.(BT3)

*** GD BVMT:** Khai thác gián tiếp nội dung bài: Cung cấp một số hiểu biết về môi trường thiên nhiên Việt Nam và nước ngoài, từ đó bồi dưỡng tình cảm yêu quý, gắn bó với môi trường sống.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Nghiêm túc, vận dụng vào bài học và thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi: 3 dãy thi đặt câu phân biệt nghĩa của 1 từ nhiều nghĩa mà mình biết. Dãy nào đặt được nhiều câu và đúng thì dãy đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đặt câu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Tìm được các từ ngữ thể hiện sự so sánh, nhân hoá trong mẩu chuyện <i>Bầu trời mùa thu</i> (BT1,BT2) . - Viết được đoạn văn tả cảnh đẹp quê hương, biết dùng từ ngữ, hình ảnh so sánh, nhân hoá khi miêu tả.(BT3) <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ nhóm - Yêu cầu học sinh đọc diễn cảm trong nhóm bài: <i>Bầu trời mùa thu</i> Bài 2: HĐ nhóm - Gọi HS nêu yêu cầu - Thảo luận nhóm 4, làm bài - Các nhóm làm bài bảng nhóm gắn bài lên bảng, đọc bài	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc mẩu chuyện: <i>Bầu trời mùa thu</i> (nổi tiếp hai lượt) - Học sinh đọc yêu cầu - Học sinh thảo luận nhóm 4. Viết kết quả vào bảng nhóm - Các nhóm khác nghe, nhận xét bổ sung

- GV kết luận đáp án đúng Bài 3: HD nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài Gợi ý: - Viết đoạn văn ngắn 5 câu tả cảnh đẹp ở quê em, hoặc nơi em sống. Có thể sử dụng đoạn văn tả cảnh đã viết ở tiết tập làm văn có thể sửa cho gợi tả, gợi cảm bằng cách dùng hình ảnh so sánh và nhân hoá - Trình bày kết quả - GV nhận xét sửa chữa - Yêu cầu HS dưới lớp đọc đoạn văn của mình	Đáp án: + Từ ngữ thể hiện sự so sánh là: xanh như mặt nước mệt mỏi trong ao + Từ ngữ thể hiện sự nhân hoá: mệt mỏi trong ao được rửa mặt sau cơn mưa. + Mặt đất/ cúi xuống lắng nghe để tìm xem chim én đang ở trong bụi cây hay ở nơi nào? - Những từ ngữ khác tả bầu trời. Rất nóng và cháy lên những tia sáng của ngọn lửa/ xanh biếc/cao hơn - Học sinh đọc yêu cầu - 2 HS làm bảng nhóm, lớp làm vở - HS làm bảng nhóm trình bày kết quả - HS nghe - 3-5 học sinh đọc đoạn văn Ví dụ: <i>Con sông quê hương gần bó với người dân từ ngàn đời nay. Con sông mềm như dải lụa ôm gọn xã em vào lòng. Những hôm trời lặng gió mặt sông phẳng như một tấm gương khổng lồ. Trời thu trong xanh in bóng xuống mặt sông. Gió thu dịu nhẹ làm mặt sông lăn tăn gợi sóng. Dòng sông quê hương hiền hoà là thế mà vào những ngày đông bão nước sông cuộn cuộn chảy, đỏ ngầu, giống như một con trăn khổng lồ đang vận mình trông thật hung dữ.</i>
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Tìm các hình ảnh so sánh, nhân hóa được sử dụng trong đoạn văn vừa viết?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

TIẾT 19: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù: Một số kĩ năng tự vệ để ứng phó với những tình huống nguy cơ bị xâm hại.

***GDKNS:**

- Kĩ năng tư duy phán đoán, tư duy sáng tạo khi xem tranh, nghe kể lại tình huống để nhận biết nguy cơ bị xâm hại.

- Kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng giao tiếp và quan hệ liên nhân cách khi thảo luận nhóm xác định các vấn đề về xâm hại.

- Kĩ năng đương đầu với căng thẳng và cảm xúc, kiên định thoát ra khỏi nguy cơ bị xâm hại

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Thái độ kiên quyết thoát ra khỏi nguy cơ bị xâm hại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Bài giảng điện tử, máy tính, SGK

- **Học sinh:** SGK, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS nêu nguyên nhân dẫn đến hành vi xâm hại trẻ em: - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS nêu: + Do tiêm nhiễm phim ảnh đồi trụy + Quản lí con em còn lỏng lẻo + Nhiều bạn nhỏ phải đi học một mình qua đường vắng . + Gia đình bất hòa, không lưu ý đến lịch học tập sinh hoạt của con... - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Một số kĩ năng tự vệ ứng phó với những tình huống có nguy cơ bị xâm hại. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1: Những tổn thương về cơ thể, tâm lí khi bị xâm hại</i> - Yêu cầu HS suy nghĩ và đưa ra ý kiến về các tổn thương khi bị xâm hại. - GV ghi nhanh ý kiến của học sinh - GV chốt ý: + tổn thương ở bộ phận sinh dục,.. đau	Thảo luận theo nhóm tổ CHTL : -Khi bị xâm hại thì cơ thể sẽ thay đổi như thế nào ? -Em thấy vui hay buồn hoặc có cảm giác nào khác sau khi bị xâm hại. -Em sẽ làm gì sau khi bị xâm hại -HS đại diện nêu ý kiến trước lớp.

bụng, nhức đầu. mất ngủ, thay đổi khẩu vị. + Lo lắng sợ hãi, tuyệt vọng, tự làm tổn thương mình, có thể có ý định tự tử... Hoạt động 2: Những việc cần làm giúp trẻ luyện kỹ năng tự bảo vệ tránh bị xâm hại - Yêu cầu học sinh hoạt động theo tổ đưa ra các kỹ năng ứng phó trong các tình huống sau TH 1: Khi có người muốn đụng chạm vào phần nhạy cảm của cơ thể thì em làm gì để họ không chạm được vào cơ thể mình? TH2: Em quen bạn A bằng tuổi em bạn mô cô nên phải tự kiếm sống, được anh B đón về ở cùng, sau khi về em A gặp nhiều em nhỏ khác hàng ngày phải đi ăn xin, bán hàng rong để nộp tiền cho anh B. Nếu không nộp đủ số tiền anh B yêu cầu sẽ bị đánh và không cho ăn. Nếu chôn đi cò bị anh B tìm về đánh đập giã man. Em sẽ làm gì để giúp bạn A thoát khỏi anh A? GV nhận xét – Chốt ý Trong bất cứ trường hợp nào ,em là người bị xâm hại,bởi vậy em có quyền được giúp đỡ,có quyền được bảo vệ.Nếu em im lặng không tìm kiếm sự giúp đỡ thì vấn đề ngày càng nghiêm trọng và nguy hiểm hơn mà không ai biết để giúp đỡ em.	- HS hoạt động nhóm ghi vào phiếu học tập. Các nhóm trình bày ý kiến TH 1: + Đứng dậy ngay + Lùi ra ra. +Hét to và kiên quyết «Không! tôi không cho phép» + Bỏ chạy thật nhanh ra chỗ khác có nhiều người. + Kể lại sự việc với người lớn đáng tin cậy. + Cấn hoặc đá mạnh vào tay người đó ... TH2: Nhờ luật pháp Lắng nghe
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	
Nêu thêm các cách ứng phó khi bị xâm hại	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Bài 9: CÁCH MẠNG MÙA THU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách mạng tháng Tám nổ ra vào thời gian nào, sự kiện cần nhớ, kết quả:
 - + Tháng 8 – 1945 nhân dân ta vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền và lần lượt giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
 - + HS(M3,4): + Biết được ý nghĩa cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội.
 - + Suu tầm và kể lại sự kiện đáng nhớ về Cách mạng tháng Tám ở địa phương.
 - + Kể lại được 1 số sự kiện về cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.
- + Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- + HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động
- + Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước
- + HS yêu thích môn học lịch sử

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Kể đúng, kể nhanh" tên các địa phương tham gia phong trào Xô Viết - NT(1930-1931) - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (27 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Biết cách mạng tháng Tám nổ ra vào thời gian nào, sự kiện cần nhớ, kết quả ... <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1: Thời cơ cách mạng</i> -Theo em, vì sao Đảng ta lại xác định đây là thời cơ ngàn năm có một cho cách mạng Việt Nam? <i>* Hoạt động 2: Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội ngày 19-8-1945</i> - Học sinh làm việc theo nhóm, cùng đọc SGK và kể lại cho nhau nghe về 1 số nét về cuộc khởi nghĩa giành chính	- Tháng 3-1945 Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm nước ta. Tháng 8-1945 quân Nhật ở châu Á thua trận, thế lực của chúng đang suy giảm đi rất nhiều. - Nhóm trưởng điều khiển: Mỗi nhóm 4 học sinh, lần lượt từng học sinh nêu 1 số nét về cuộc khởi nghĩa.

quyền ở Hà Nội ngày 19-8-1945. - 1 học sinh trình bày trước lớp - Giáo viên kết luận * Hoạt động 3: Liên hệ cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội với cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở các địa phương - Cho HS thảo luận nhóm TLCH + Nêu kết quả của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội? + Nếu cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội không toàn thắng thì việc giành chính quyền ở các địa phương khác sẽ ra sao? + Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Hà Nội có tác động như thế nào đến tinh thần cách mạng của nhân dân cả nước? + Tiếp sau Hà Nội, những nơi nào đã giành được chính quyền? + Em biết gì về cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở quê hương ta năm 1945? - Giáo viên cung cấp thêm về lịch sử địa phương cho học sinh. * Hoạt động 4: Nguyên nhân và ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng tháng Tám + Vì sao nhân dân ta giành được thắng lợi trong cách mạng tháng Tám? + Thắng lợi của cách mạng tháng Tám có ý nghĩa như thế nào ?	- 1 em trình bày, cả lớp theo dõi và bổ sung. - HS nghe - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi sau đó báo cáo kết quả - Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội toàn thắng. - Các địa phương khác sẽ gặp rất nhiều khó khăn. - Cổ vũ tinh thần nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh giành chính quyền. - Huế (23/8), Sài Gòn (25-8) và đến 28-8-1945 cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước. - Một số học sinh nêu. - HS nghe - Vì: Nhân dân ta có một lòng yêu nước sâu sắc. Có Đảng lãnh đạo. - Thắng lợi cho thấy lòng yêu nước và tinh thần cách mạng của nhân dân. Chúng ta đã giành được độc lập dân tộc, dân ta thoát khỏi kiếp nô lệ, thống trị của thực dân, phong kiến.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Vì sao mùa thu 1945 được gọi là Mùa thu cách mạng? - Vì sao ngày 19 - 8 được lấy làm ngày kỉ niệm Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học
CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ ĐỔI ĐƠN VỊ ĐO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố cho HS 1 số bài tập về viết các số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân..
- Có kĩ năng đổi đơn vị đo độ dài khối lượng dưới dạng số thập phân.

2. Năng lực chung: - **Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,**

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học, rèn luyện tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: vở Luyện tập Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1,2,3,4,5 trang 43,44 – Luyện tập Toán) * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách làm * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét. - Nêu cách thực hiện * <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Muốn điền dấu đúng chúng ta phải làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HSTL - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - 1 vài HS trả lời

* Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. bài - 1 em lên bảng làm - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 5: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Chữa bài nhận xét. 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút) Hỏi học sinh: + Nêu cách chuyển số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu
--	---

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ tư ngày 1 Tháng 11 năm 2023

Toán

Tiết 43: VIẾT CÁC SỐ ĐO DIỆN TÍCH DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân
- Viết được số đo diện tích dưới dạng số thập phân
- HS cả lớp làm được bài 1, 2 .

2. Năng lực chung: Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử

- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS							
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)								
- Cho HS thi nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng và cách viết đơn vị đo khối lượng dưới dạng STP. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng	- Mỗi một đơn vị đo tương ứng với một hàng của số thập phân(tương ứng với 1 chữ số) - HS nghe - HS nghe							
2.Hoạt động ôn lại bảng đơn vị đo diện tích:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Nắm được mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích <i>*Cách tiến hành:</i>								
<i>* Hoạt động 1: Ôn lại hệ thống đơn vị đo diện tích</i> a) Giáo viên cho học sinh nêu lại lần lượt các đơn vị đo diện tích đã học. b) Cho học sinh nêu quan hệ giữa các đơn vị đo kế liền. - Quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích: km²; ha với m², giữa km² và ha. <i>* Nhận xét:</i> Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị liền sau nó và	<table border="1"><tr><td>km²</td><td>hm²(ha)</td><td>dam²</td><td>m²</td><td>dm²</td><td>cm²</td><td>mm²</td></tr></table> - HS nêu $1\text{ km}^2 = 100\text{ hm}^2$; $1\text{ hm}^2 = \frac{1}{100}\text{ km}^2 = 0,01\text{km}^2$ $1\text{ m}^2 = 100\text{ dm}^2$; $1\text{ dm}^2 = \frac{1}{100} = 0,01\text{ m}^2$ $1\text{ km}^2 = 1.000.000\text{ m}^2$; $1\text{ ha} = 10.000\text{m}^2$ $1\text{ km}^2 = 100\text{ ha}$; $1\text{ ha} = \frac{1}{100}\text{ km}^2 = 0,01\text{ km}^2$	km²	hm²(ha)	dam²	m²	dm²	cm²	mm²
km²	hm²(ha)	dam²	m²	dm²	cm²	mm²		

bằng 0,01 đơn vị liền trước nó. * Hoạt động 2: a) Giáo viên nêu ví dụ 1: <i>Viết số thập phân vào chỗ chấm.</i> $3\text{ m}^2\ 5\text{ dm}^2 = \dots\text{ m}^2$ - Giáo viên cần nhấn mạnh: $\text{Vì } 1\text{ dm}^2 = \frac{1}{100}\text{ m}^2; 5\text{ dm}^2 = \frac{5}{100}\text{ m}^2$ b) Giáo viên nêu ví dụ 2: $42\text{ dm}^2 = \dots\text{ m}^2$	- Học sinh phân tích và nêu cách giải. $3\text{ m}^2\ 5\text{ dm}^2 = 3\frac{5}{100}\text{ m}^2 = 3,05\text{ m}^2$ Vậy $3\text{ m}^2\ 5\text{ dm}^2 = 3,05\text{ m}^2$. - Học sinh nêu cách làm. $42\text{ dm}^2 = \frac{42}{100}\text{ m}^2 = 0,42\text{ m}^2$ Vậy $42\text{ dm}^2 = 0,42\text{ m}^2$.
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) *Mục tiêu: - Biết viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân - HS cả lớp làm được bài 1, 2 . - HS(M3,4) làm được tất cả các bài tập. *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Giáo viên cho học sinh tự làm. - Cho học sinh đọc kết quả. - Giáo viên nhận xét chữa bài. Bài 2: HĐ cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu - Giáo viên cho học sinh thảo luận rồi lên viết kết quả. - GV nhận xét chữa bài Bài 3(M3,4):HĐ cá nhân - Cho HS làm bài vào vở - GV có thể hướng dẫn HS khi gặp khó khăn	- HS nêu yêu cầu - Học sinh tự làm bài, đọc kết quả a) $56\text{ dm}^2 = 0,56\text{ m}^2$. b) $17\text{ dm}^2\ 23\text{ cm}^2 = 17,23\text{ dm}^2$. c) $23\text{ cm}^2 = 0,23\text{ dm}^2$. d) $2\text{ cm}^2\ 5\text{ mm}^2 = 2,05\text{ cm}^2$. - Cả lớp theo dõi - Học sinh thảo luận cặp đôi, lên trình bày kết quả. - HS làm bài, báo cáo giáo viên a) $5,34\text{ km}^2 = 5\text{ km}^2\ 34\text{ ha} = 534\text{ ha}$ b) $16,5\text{ m}^2 = 16\text{ m}^2\ 50\text{ dm}^2$ c) $6,5\text{ km}^2 = 6\text{ km}^2\ 50\text{ ha} = 650\text{ ha}$ d) $7,6256\text{ ha} = 7\text{ ha}\ 6256\text{ m}^2 = 76256\text{ m}^2$
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- GV cho HS vận dụng kiến thức làm bài sau: <i>Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:</i> $5000\text{ m}^2 = \dots\text{ ha}$ $4\text{ ha} = \dots\text{ km}^2$ $400\text{ cm}^2 = \dots\text{ m}^2$ $610\text{ dm}^2 = \dots\text{ m}^2$	- HS làm $5000\text{ m}^2 = 0,5\text{ ha}$ $4\text{ ha} = 0,04\text{ km}^2$ $400\text{ cm}^2 = 0,04\text{ m}^2$ $610\text{ dm}^2 = 6,1\text{ m}^2$

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Kể chuyện

KỂ CHUYỆN CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

1. Năng lực đặc thù:

- Kể lại được câu chuyện chứng kiến hoặc tham gia về chuyến tham quan quang cảnh thiên nhiên
- Biết trao đổi về trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên, biết nghe và nhận xét lời kể của bạn
- **TTHCM:** Giáo dục tình cảm yêu kính Bác Hồ.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Có trách nhiệm giữ gìn thiên nhiên tươi đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5')	
- Cho HS thi kể lại câu chuyện giờ trước, nêu ý nghĩa câu chuyện - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi kể - HS nghe - HS nghe
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (8') <i>* Mục tiêu:</i> Lựa chọn được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên. <i>* Cách tiến hành:</i>	
- Giáo viên viết đề lên bảng - Hướng dẫn HS phân tích đề và gạch chân những từ quan trọng. Đề bài: Kể một câu chuyện em đã nghe hay đã đọc nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên. - Cho HS tiếp nối nhau đọc gợi ý SGK - Giáo viên nhắc học sinh: những truyện đã nêu gợi ý là những truyện đã học, các em cần kể chuyện ngoài SGK để được cộng điểm cao hơn - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình định kể - Giáo viên hướng dẫn kể: Kể tự nhiên, theo trình tự gợi ý.	- Học sinh đọc đề. - Học sinh đọc gợi ý SGK. - Học sinh tiếp nối nêu tên câu chuyện sẽ kể.
3. Hoạt động thực hành kể chuyện: (23 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về quan hệ giữa con người với thiên nhiên.	

* Cách tiến hành:	
- Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét.	- HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3')	
- Tiết kể chuyện hôm nay các em kể về chủ đề gì ? - Về kể chuyện cho người thân nghe.	- HS nêu - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kĩ thuật
Tiết 9: LUỘC RAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách thực hiện các công việc chuẩn bị về các bước luộc rau.
- Luộc được rau xanh, ngon.
- Biết vận dụng kiến thức đã học để giúp đỡ gia đình nấu ăn.
- Khi nấu cơm, luộc rau cần đun lửa vừa phải để tiết kiệm năng lượng. Sử dụng bếp đun đúng cách để tiết kiệm năng lượng.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS thi đua nêu cách nấu cơm bằng 2 loại bếp - GV nhận xét, tuyên dương - GV giới thiệu - nêu mục đích bài học.	- HS thi nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Biết cách thực hiện các công việc chuẩn bị về các bước luộc rau. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>Hoạt động 1: Tìm hiểu cách thực hiện các công việc chuẩn bị luộc rau.</i> - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS nêu những công việc được thực hiện khi luộc rau. -Hướng dẫn HS quan sát H1 /SGK và hỏi. - HS quan sát H2 - Cụ thể hướng dẫn thêm một số thao tác như ngắt rau..... <i>Hoạt động 2: Tìm hiểu cách luộc rau.</i> - GV theo dõi và nhận xét cách luộc rau	- HS tìm hiểu việc luộc rau ở gia đình. - HS nêu nguyên liệu về dụng cụ cần chuẩn bị để luộc rau. - Đọc nội dung mục 1b /SGK. - HS đọc mục 2 và quan sát H3 /sgk, nêu cách luộc rau. +Nên cho nhiều nước khi luộc rau để rau chín đều và xanh. +Cho một ít muối vào nước luộc để rau đậm và xanh. Đun nước sôi mới cho rau vào. Đun to và đều lửa....
<i>Hoạt động 3: Đánh giá kết quả học tập</i> - Em hãy nêu các bước luộc rau? - So sánh cách luộc rau ở gia đình em	- HS trả lời. - HS trả lời

với cách luộc rau nêu trong bài? - GV nhận xét và kết luận.	- HS khác nhận xét. - HS nghe
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	
- Về nhà vận dụng kiến thức để luộc rau, quay video nộp bài, chuẩn bị bữa ăn cho gia đình.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố cho HS 1 số bài tập về viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân.
- Có kĩ năng đổi đơn vị đo diện tích dưới dạng số thập phân

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học, rèn luyện tính cẩn thận.

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: vở Luyện tập Toán.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1,2, 3, 4, 5 trang 45,46 – Luyện tập Toán) * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách làm. * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, - 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng * <u>Bài 3,4:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - GV nêu : Các con hãy ước lượng xem con vật nào phù hợp với từng số đo khối lượng. - Yêu cầu HS tự làm bài, - 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét * <u>Bài 5</u> - Gọi HS đọc đề bài	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - 1 hs trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài

-Bài yêu cầu làm gì? Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút) - Hỏi học sinh: Nêu cách chuyển số đo diện tích thành số thập phân - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét
--	--

Thứ năm ngày 2 Tháng 11 năm 2022

Toán

Tiết 44: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết số đo độ dài, diện tích, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- Viết được số đo độ dài, diện tích, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3

2. Năng lực chung:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS tổ chức thi đua: + Nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, khối lượng và cách viết đơn vị đo khối lượng dưới dạng STP. - Nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích và cách viết đơn vị đo khối lượng dưới dạng STP. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS hát - Mỗi một hàng của số thập phân ứng với 1 đơn vị đo tương ứng. - Mỗi một đơn vị đo ứng với 2 hàng của số thập phân - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (30 phút)	
<i>*Mục tiêu:</i> - Biết viết số đo độ dài, diện tích, khối lượng dưới dạng số thập phân - HS cả lớp làm được bài 1, 2, 3 . - HS(M3,4) làm thêm bài tập 4 <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HD cả lớp=> Cá nhân - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ? - Hai đơn vị độ dài tiếp liền nhau thì hơn kém nhau bao nhiêu lần ? - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, kết luận	- Bài tập yêu cầu chúng ta viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân có đơn vị cho trước. - Hai đơn vị đo độ dài tiếp liền nhau hơn kém nhau 10 lần. - Cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả a) $42\text{m } 34\text{cm} = 42\frac{34}{100}\text{m} = 42,34\text{m}$

Tập đọc
Tiết 18: ĐẤT CÀ MAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu nội dung: Sự khắc nghiệt của thiên nhiên Cà Mau góp phần hun đúc tính cách kiên cường của con người Cà Mau (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

- Đọc diễn cảm được bài văn, biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm.

***GD BVMT:** Khai thác trực tiếp nội dung bài: GDHS hiểu biết về môi trường sinh thái ở đất mũi Cà Mau; về con người nơi đây được nung đúc và lưu truyền tinh thần thượng võ để khai phá giữ gìn mũi đất tận cùng của Tổ quốc; từ đó thêm yêu quý con người vùng đất này.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Yêu quý con người ở mảnh đất tận cùng của Tổ quốc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử

- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS nghe bài hát " <i>Áo mới Cà Mau</i> "	- HS nghe
- Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nghe
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (13 phút)	
* Mục tiêu: - Rèn đọc đúng từ, đọc đúng câu, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. - Đọc đúng các từ khó trong bài	
* Cách tiến hành:	
- Gọi 1 HS(M3,4) đọc bài, chia đoạn: + Đoạn 1: <i>Cà Mau là đất...nơi con đông.</i> + Đoạn 2: <i>Cà Mau đất xộp... thân cây đước.</i> + Đoạn 3: <i>Còn lại.</i> - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm	- Cả lớp theo dõi
- Luyện đọc theo cặp - HS đọc toàn bài - Giáo viên đọc diễn cảm	- Nhóm trưởng điều khiển: + 3 HS đọc nối tiếp lần 1 + Luyện đọc từ khó, câu khó + 3 HS đọc nối tiếp lần 2 + Giải nghĩa từ chú giải - HS luyện đọc theo cặp - 1 HS đọc toàn bài - HS nghe

2.2. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút)

* *Mục tiêu:* Hiểu nội dung: Sự khắc nghiệt của thiên nhiên Cà Mau góp phần hun đúc tính cách kiên cường của con người Cà Mau (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

* *Cách tiến hành:*

- Cho HS thảo luận nhóm đọc bài và TLCH: - Mưa ở Cà Mau có gì khác thường? - Nội dung đoạn 1 nói về điều gì? - Cây cối ở Cà Mau mọc ra sao? - Người Cà Mau dựng nhà cửa như thế nào? - Nội dung đoạn 2 nói lên điều gì? - Người dân Cà Mau có tính cách như thế nào? - Nêu nội dung đoạn 3 ? - Nội dung của bài là gì ?	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận TLCH sau đó báo cáo kết quả: - Mưa ở Cà Mau là mưa dông: rất đột ngột, dữ dội nhưng chóng tanh. - Mưa ở Cà Mau - Cây cối mọc thành chòm, thành rừng, rễ dài cắm sâu vào lòng đất. - Nhà cửa dựng dọc bờ kênh, dưới những hàng đước xanh rì, từ nhà nọ sang nhà kia phải leo lên cầu bằng thân cây đước. - Cây cối và nhà cửa ở Cà Mau - Người Cà Mau thông minh, giàu nghị lực, thượng võ, thích kể, thích nghe những chuyện kì lạ về sức mạnh và trí thông minh của con người. - Tính cách người Cà Mau - Sự khắc nghiệt của thiên nhiên Cà Mau góp phần hun đúc tính cách kiên cường của con người Cà Mau.
---	--

3. Hoạt động luyện đọc diễn cảm: (8 phút)

* *Mục tiêu:* Đọc diễn cảm được bài văn, biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm.

* *Cách tiến hành:*

- Đọc nối tiếp toàn bài - Giáo viên cho học sinh đọc diễn cảm đoạn 3. - Gọi 1 HS đọc lại đoạn 3 - Luyện đọc theo cặp - Thi đọc - Bình chọn HS đọc tốt - Khuyến khích HS(M3,4) đọc diễn cảm cả bài.	- 3 HS đọc tiếp nối - HS đọc thầm và nêu cách đọc - Học sinh đọc diễn cảm đoạn 3. - HS đọc theo cặp - Học sinh thi đọc - HS bình chọn - HS đọc
--	--

4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)

- Em học được tính cách tốt đẹp nào của người dân ở Cà Mau ?	- HS nêu
--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Tập làm văn

Tiết 17: LUYỆN TẬP THUYẾT TRÌNH, TRANH LUẬN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Bước đầu biết diễn đạt gãy gọn, rõ ràng trong thuyết trình, tranh luận một vấn đề đơn giản.

- Nêu được lí lẽ, dẫn chứng và bước đầu biết diễn đạt gãy gọn, rõ ràng trong thuyết trình, tranh luận một vấn đề đơn giản.

*** GDMT:** Hiểu sự cần thiết và ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

*** GDKNS:** Có kĩ năng thuyết trình, tranh luận về một vấn đề đơn giản, gần gũi với lứa tuổi. Bình tĩnh, tự tin tôn trọng người cùng tranh luận

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có hứng thú và trách nhiệm trong việc thuyết trình, tranh luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử

- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- HS thi đọc đoạn mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn tả con đường - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng	- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * Mục tiêu: Bước đầu biết diễn đạt gãy gọn, rõ ràng trong thuyết trình, tranh luận một vấn đề đơn giản. * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ nhóm - HS làm việc theo nhóm, viết kết quả vào bảng nhóm theo mẫu dưới đây và trình bày lời giải Câu a- vấn đề tranh luận: cái gì quý nhất trên đời? Câu b- ý kiến và lí lẽ của mỗi bạn - Ý kiến của mỗi bạn Hùng: Quý nhất là lúa gạo Quý: Quý nhất là vàng Nam: Quý nhất là thì giờ Câu c- ý kiến lí lẽ và thái độ tranh luận của thầy giáo	- HS làm việc theo nhóm. - Lí lẽ đưa ra để bảo vệ ý kiến - Có ăn mới sống được - Có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo - Có thì giờ mới làm ra lúa gạo, vàng bạc được + Người lao động là quý nhất. + Lúa gạo, vàng, thì giờ đều quý nhưng chưa phải là quý nhất. Không có người lao động thì không có lúa gạo, vàng, bạc, thì giờ cũng trôi qua vô ích + Thầy tôn trọng người đối thoại, lập luận có tình có lí

+ Thầy giáo muốn thuyết phục Hùng, Quý, Nam công nhận điều gì? + Thầy đã lập luận như thế nào? - Cách nói của thầy thể hiện thái độ tranh luận như thế nào? Bài 2: HĐ cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu và mẫu của bài - Tổ chức HS thảo luận nhóm - Gọi HS phát biểu - GV nhận xét Bài 3: HĐ nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu a) Yêu cầu HS hoạt động nhóm - Gọi đại diện nhóm trả lời - GV bổ sung nhận xét câu đúng b) Khi thuyết trình tranh luận, để tăng sức thuyết phục và bảo đảm phép lịch sự, người nói cần có thái độ như thế nào? - GV ghi nhanh các ý kiến lên bảng	+ Công nhận những thứ Hùng, Quý, Nam nêu ra đều đáng quý - Nêu câu hỏi : Ai làm ra lúa gạo, vàng, bạc, ai biết dùng thì giờ? Rồi giảng giải để thuyết phục HS (lập luận có lí). - Thầy rất tôn trọng người đang tranh luận(là học trò của mình) và lập luận rất có tình có lí. - HS nêu - HS thảo luận nhóm 2 - 3 HS trả lời - HS đọc - HS trả lời + Phải có hiểu biết về vấn đề thuyết trình tranh luận + Phải có ý kiến riêng về vấn đề được thuyết trình tranh luận + Phải biết nêu lí lẽ và dẫn chứng - Thái độ ôn tồn vui vẻ - Lời nói vừa đủ nghe - Tôn trọng người nghe - Không nên nóng nảy - Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác - Không nên bảo thủ, cố tình cho ý của mình là đúng
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	
- Qua bài này, em học được điều gì khi thuyết trình, tranh luận ?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tiết 19: PHÒNG TRÁNH TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông đường bộ.
- Chấp hành đúng luật giao thông, cẩn thận khi tham gia giao thông và tuyên truyền, vận động, nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.
- Nghiêm túc chấp hành luật giao thông

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắt tên" với các câu hỏi sau: - Chúng ta phải làm gì để phòng tránh bị xâm hại? - Khi có nguy cơ bị xâm hại em sẽ làm gì? - Tại sao khi bị xâm hại chúng ta cần tìm người tin cậy để chia sẻ, tâm sự - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông đường bộ. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1: Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông</i> - Kiểm tra việc chuẩn bị của học sinh - Hãy kể các vụ tai nạn giao thông mà em biết. Do nguyên nhân nào dẫn đến? - GV nhận xét kết luận <i>* Hoạt động 2: Những vi phạm luật giao thông của người tham gia giao thông thông với hậu quả của nó.</i> - Tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm - Yêu cầu quan sát hình minh họa để	- Các tổ báo cáo việc chuẩn bị. - Hai xe khách đâm nhau. Do lái xe say rượu. - Anh thanh niên tự đâm xe xuống ao là do phóng nhanh quá khi đó người không tránh kịp - Hoạt động nhóm 4 - Học sinh thảo luận

thảo luận nhóm - Hãy chỉ ra những vi phạm của người tham gia? - Điều gì có thể xảy ra với người vi phạm giao thông đó? - Hậu quả của việc vi phạm là gì? - GV nhận xét, đánh giá - Qua những vi phạm về giao thông em có nhận xét gì? - Giáo viên kết luận <i>* Hoạt động 3: Những việc làm để thể hiện an toàn giao thông</i> - Tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm và báo cáo trước lớp. Các nhóm khác bổ sung - GV nhận xét, khen ngợi học sinh	- Học sinh nêu - Tất cả các vụ tai nạn giao thông là do sai phạm của người tham gia giao thông - HS hoạt động nhóm - Những việc làm an toàn giao thông + Đi đúng phần đường qui định + Học luật an toàn giao thông + Đi đường phải quan sát kỹ các biển báo giao thông. + Đi xe đạp sát bên lề đường. + Đi bộ trên vỉa hè + Không đi hàng ba, hàng tư, vừa đi vừa nô đùa.
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút)	
- Em sẽ làm gì để phòng tránh tai nạn giao thông đường bộ?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Địa lí

Tiết 9: CÁC DÂN TỘC, SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết sơ lược về sự phân bố dân cư Việt Nam :
 - + Việt Nam là nước có nhiều dân tộc, trong đó người Kinh có số dân đông nhất.
 - + Mật độ dân số cao, dân cư tập trung đông đúc ở đồng bằng, ven biển và thưa thớt ở vùng núi.
 - + Khoảng 3/4 dân số Việt Nam sống ở nông thôn.
- Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ dân cư ở mức độ đơn giản để nhận biết một số đặc điểm của sự phân bố dân cư .
- HSHTT: Nêu hậu quả của sự phân bố dân cư không đều giữa vùng đồng bằng, ven biển và vùng núi: nơi quá đông dân, thừa lao động; nơi ít dân, thiếu lao động.
- Có thái độ bình đẳng với các dân tộc thiểu số.
- * **GD BVMT:** Mức độ tích hợp liên hệ bộ phận: Giúp HS hiểu sức ép của dân số đối với môi trường, sự cần thiết phải phân bố lại dân cư giữa các vùng.

2. Năng lực chung: Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "<i>Ghép chữ vào hình</i>" - Cách chơi: GV chuẩn bị một số tấm thẻ tên của một số nước trong khu vực trong đó có cả Việt Nam. Sau đó chia thành 2 đội chơi, khi có hiệu lệnh các thành viên trong nhóm nhanh chóng tìm các thẻ ghi tên các nước để xếp thành hình tháp theo thứ tự dân số từ ít đến nhiều. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (15 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> - Biết sơ lược về sự phân bố dân cư Việt Nam - Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ dân cư ở mức độ đơn giản để nhận biết một số đặc điểm của sự phân bố dân cư . - HS(M3,4): Nêu hậu quả của sự phân bố dân cư không đều giữa vùng đồng bằng, ven biển và vùng núi: nơi quá đông dân, thừa lao động; nơi ít dân, thiếu lao	

động.

* *Cách tiến hành:*

* **Hoạt động 1:** 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam

+ Nước ta có bao nhiêu dân tộc?
+ Dân tộc nào có đông nhất? Sống chủ yếu ở đâu? Các dân tộc ít người sống ở đâu?

+ Kể tên một số dân tộc ít người và địa bàn sinh sống của họ? (GV gọi HS nhớ lại kiến thức lớp 4 bài *Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn, một số dân tộc ở Tây Nguyên,...*)

+ Truyền thuyết Con rồng cháu tiên của nhân dân ta thể hiện điều gì?

* **Hoạt động 2:** Mật độ dân số Việt Nam

- Em hiểu thế nào là mật độ dân số?
- GV nêu: Mật độ dân số là số dân trung bình sống trên 1 km² diện tích đất tự nhiên.

- GV giảng: Để biết mật độ dân số người ta lấy tổng số dân tại một thời điểm của một vùng, hay một quốc gia chia cho diện tích đất tự nhiên của vùng hay quốc gia đó.

- GV treo bảng thống kê mật độ của một số nước châu Á và hỏi: Bảng số liệu cho ta biết điều gì?

+ So sánh mật độ dân số nước ta với mật độ dân số một số nước châu Á.

+ Kết quả so sánh trên chứng tỏ điều gì về mật độ dân số Việt Nam?

* **Hoạt động 3:** Sự phân bố dân cư ở Việt Nam

- GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau, cùng xem lược đồ và thực hiện các

+ Nước ta có 54 dân tộc

+ Dân tộc Kinh (Việt) có số dân đông nhất, sống tập trung ở các vùng đồng bằng, các vùng ven biển. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở các vùng núi và cao nguyên.

+ Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở vùng núi phía Bắc là Dao, Mông, Thái, Mường, Tày,...

+ Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở vùng núi Trường Sơn: Bru-Vân Kiều, Pa-cô, Chứt,...

+ Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở vùng Tây Nguyên là: Gia-rai, Ê-đê, Bana, Xơ-đăng, Tà-ôi,...

+ Các dân tộc Việt Nam là anh em một nhà.

- Một vài HS nêu theo ý hiểu của mình.

- HS nghe giảng và tính:

- Bảng số liệu cho biết mật độ dân số của một số nước châu Á.

+ Mật độ dân số nước ta lớn hơn gần 6 lần mật độ dân số thế giới, lớn hơn 3 lần mật độ dân số của Can-pu-chia, lớn hơn 10 lần mật độ dân số Lào, lớn hơn 2 lần mật độ dân số của Trung Quốc.

+ Mật độ dân số của Việt Nam rất cao.

- HS thảo luận theo cặp

nhiệm vụ sau: + Chỉ trên lược đồ và nêu: - Các vùng có mật độ dân số trên 1000 người /km ² - Những vùng nào có mật độ dân số từ 501 đến 1000 người/km ² ? - Các vùng có mật độ dân số từ trên 100 đến 500 người/km ² ? - Vùng có mật độ dân số dưới 100 người/km ² ?	+ Chỉ và nêu: Nơi có mật độ dân số lớn hơn 1000 người /km ² là các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Thành Phố Hồ Chí Minh và một số thành phố khác ven biển. + Chỉ và nêu: một số nơi ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ. một số nơi ở đồng bằng ven biển miền Trung. + Chỉ và nêu: Vùng trung du Bắc Bộ, một số nơi ở đồng bằng Nam Bộ, đồng bằng ven biển Miền Trung, cao nguyên Đắc Lắc, một số nơi ở miền Trung. + Chỉ và nêu: Vùng núi có mật độ dân số dưới 100 người/km ² .
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm :(3 phút)	
- Nêu hậu quả của sự phân bố dân cư không đều giữa vùng đồng bằng, ven biển và vùng núi: nơi quá đông dân, thừa lao động; nơi ít dân, thiếu lao động ?	- Ở đồng bằng đất chật người đông, ở vùng núi đất rộng người thưa, thiếu sức lao động cho nên đời sống kinh tế phát triển không đồng đều.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cho HS 1 số bài tập về viết các số đo khối lượng, diện tích dưới dạng số thập phân.
- Có kĩ năng đổi đơn vị đo khối lượng, diện tích dưới dạng số thập phân.

2. Năng lực chung: - Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học, rèn luyện tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: vở Luyện tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2. Bài tập tăng cường: (Bài 1,2,3,4,5 trang 46, 47 – Luyện tập Toán) * <u>Bài 1:</u> - Gọi HS đọc đề bài - YC HS tự làm bài - Gọi HS trình bày. - Gọi hs nhận xét bài làm * <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách làm. * <u>Bài 3:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét - Nêu cách làm. * <u>Bài 4:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng.	- HS thực hiện theo yêu cầu - HS đọc đề bài - HS làm theo YC - Vài HS trình bày - HS nhận xét - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 vài hs nêu. - 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét

* Bài 5: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút) - Hỏi học sinh: + Muốn đổi đơn vị đo diện tích ta làm thế nào? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu
--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 3 Tháng 11 năm 2023

Toán

Tiết 45: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- Viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- HS cả lớp làm được bài 1, 3, 4.

2. Năng lực chung:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS hát - Cho HS thi nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài và khối lượng. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (30 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Biết viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân. - HS cả lớp làm được bài 1, 3, 4. - HS (M3,4) làm thêm bài 2,5 <i>*Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ? - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân - GV nhận xét, kết luận	- HS đọc - Bài tập yêu cầu chúng ta viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân có đơn vị là mét. - Cả lớp làm bài vào vở , chia sẻ kết quả a) $3\text{m}6\text{dm} = 3\frac{6}{10}\text{m} = 3,6\text{m}$ b) $4\text{dm} = \frac{4}{10}\text{m} = 0,4\text{m}$ c) $34\text{m}5\text{cm} = 34,05\text{m}$ d) $345\text{cm} = 3,54\text{m}$

Bài 3: HD cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét HS. Bài 4: HD cá nhân - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét, kết luận Bài 2(M3,4): HD cá nhân - Cho HS đọc và làm bài - GV hướng dẫn khi cần thiết Bài 5(M3,4): HD cá nhân - Hướng dẫn HS quan sát hình vẽ nêu và viết số thích hợp vào chỗ chấm.	- HS đọc yêu cầu - HS làm bài vào vở - HS báo cáo kết quả a) $42\text{dm } 4\text{cm} = 42\frac{4}{10}\text{dm} = 42,4\text{dm}$ b) $56\text{cm } 9\text{mm} = 56,9\text{mm}$ c) $26\text{m } 2\text{cm} = 26,02\text{m}$ - HS đọc - HS làm bài vào vở, báo cáo kết quả a) $3\text{kg}5\text{g} = 3\frac{5}{1000}\text{kg} = 3,005\text{kg}$ b) $30\text{g} = \frac{3}{1000}\text{kg} = 0,030\text{kg}$ c) $1103\text{g} = 1000\text{g} + 103\text{g} = 1\text{kg } 103\text{g} = 1\frac{103}{1000}\text{kg} = 1,103\text{kg}$ - HS làm bài, báo cáo giáo viên <table border="1" data-bbox="730 891 1358 1115"> <thead> <tr> <th>Đơn vị đo là tấn</th><th>Đơn vị đo là kg</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3,2 tấn</td><td>3200kg</td></tr> <tr> <td>0,502 tấn</td><td>502kg</td></tr> <tr> <td>2,5 tấn</td><td>2500kg</td></tr> <tr> <td>0,021 tấn</td><td>21kg</td></tr> </tbody> </table> - HS làm bài cá nhân, báo cáo giáo viên Túi cam cân nặng: a) 1,8kg b) 1800g	Đơn vị đo là tấn	Đơn vị đo là kg	3,2 tấn	3200kg	0,502 tấn	502kg	2,5 tấn	2500kg	0,021 tấn	21kg
Đơn vị đo là tấn	Đơn vị đo là kg										
3,2 tấn	3200kg										
0,502 tấn	502kg										
2,5 tấn	2500kg										
0,021 tấn	21kg										
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)											
- Cho HS vận dụng kiến thức làm các bài sau: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 70m 4cm =.....m 2005g =kg 80165ha =.....km² 9050 ha =.....m²	- HS làm bài										

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Luyện từ và câu
Tiết 18: ĐẠI TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu đại từ là từ dùng để xưng hô hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu để khỏi lặp (ND ghi nhớ)
- Nhận biết được một số đại từ thường dùng trong thực tế (BT1, BT2); bước đầu biết dùng đại từ để thay thế cho danh từ bị lặp lại nhiều lần (BT3).

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Nghiêm túc bồi dưỡng vốn từ, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS hát - Gọi 3 HS đọc đoạn văn tả một cảnh đẹp ở quê em - Giới thiệu bài: - Viết bảng câu: <i>Con mèo nhà em rất đẹp. Chú khoác trên mình tấm áo màu tro, mượt như nhung.</i> - Yêu cầu HS đọc câu văn - Từ chú ở câu văn thứ 2 muốn nói đến đối tượng nào? - Giới thiệu: Từ chú ở câu thứ 2 dùng để thay thế cho <i>con mèo</i> ở câu 1. Nó được gọi là đại từ. Đại từ là gì?	- HS hát - HS đọc + Từ chú trong câu văn thứ hai chỉ <i>con mèo</i> ở câu thứ nhất. - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (15 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Hiểu đại từ là từ dùng để xưng hô hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu để khỏi lặp (ND ghi nhớ) * <i>Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ cả lớp - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung của bài tập - Các từ <i>tớ, cậu</i> dùng làm gì trong đoạn văn? - Từ <i>nó</i> dùng để làm gì? -Kết luận: Các từ <i>tớ, cậu, nó</i> là đại từ. Từ <i>tớ, cậu</i> dùng để xưng hô, thay thế cho các nhân vật trong truyện là Hùng, Quý, Nam. Từ <i>nó</i> là từ xưng hô, đồng	- HS đọc, cả lớp đọc thầm - Từ <i>tớ, cậu</i> dùng để xưng hô. <i>Tớ</i> thay thế cho Hùng, <i>cậu</i> thay thế cho Quý và Nam. - Từ <i>nó</i> dùng để thay thế cho chích bông ở câu trước.

thời thay thế cho danh từ chính bông ở câu trước để tránh lặp từ ở câu thứ 2 Bài 2: HD cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập - Yêu cầu HS trao đổi theo cặp theo gợi ý sau: + Đọc kĩ từng câu. + Xác định từ in đậm thay thế cho từ nào? + Cách dùng đó có gì giống cách dùng ở bài 1? KL: Từ <i>vậy, thế</i> là đại từ dùng thay thế cho các động từ, tính từ trong câu cho khỏi lặp lại các từ đó. - Qua 2 bài tập, em hiểu thế nào là đại từ ? - Đại từ dùng để làm gì? Ghi nhớ: - Yêu cầu HS đọc ghi nhớ	- HS đọc yêu cầu bài - HS thảo luận nhóm 2 + HS đọc + Từ <i>vậy</i> thay thế cho từ <i>thích</i>. Cách dùng đó giống bài 1 là tránh lặp từ + Từ <i>thế</i> thay thế cho từ <i>quý</i>. Cách dùng đó giống bài 1 là để tránh lặp từ ở câu tiếp theo. - HS nối tiếp nhau phát biểu - 3 HS đọc
2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (15 phút) * Mục tiêu: Nhận biết được một số đại từ thường dùng trong thực tế (BT1,BT2); bước đầu biết dùng đại từ để thay thế cho danh từ bị lặp lại nhiều lần (BT3). * Cách tiến hành:	
Bài 1: HD nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Cho HS làm việc theo nhóm với cá yêu cầu sau: - Yêu cầu đọc những từ in đậm trong đoạn thơ - Những từ in đậm ấy dùng để chỉ ai? - Những từ ngữ đó viết hoa nhằm biểu lộ điều gì? Bài 2: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài -Yêu cầu dùng bút chì gạch chân dưới các đại từ được dùng trong bài ca dao. - GV nhận xét chữa bài Bài 3: HD cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài - Yêu cầu HS làm việc theo cặp nhóm. - GV nhận xét chữa bài	- HS đọc - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận. - 1 HS đọc các từ: <i>Bác, Người, Ông cụ, Người, Người, Người</i> + Những từ in đậm đó dùng để chỉ BH + Những từ ngữ đó viết hoa nhằm biểu lộ thái độ tôn kính Bác. - HS đọc yêu cầu - HS làm vào vở, chia sẻ - Nhận xét bài của bạn - HS đọc yêu cầu - HS thảo luận theo cặp đôi, chia sẻ kết quả.
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau: Tìm đại từ được dùng trong câu ca dao sau: <i>Mình về có nhớ ta chăng</i> <i>Ta về, ta nhớ hàm răng mình cười.</i>	- HS nêu

Tập làm văn

Tiết 18: LUYỆN TẬP THUYẾT TRÌNH, TRANH LUẬN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Bước đầu biết cách mở rộng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết trình, tranh luận về một vấn đề đơn giản (BT1, BT2).

- Mở rộng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết trình, tranh luận về một vấn đề đơn giản (BT1, BT2).

* GD BVMT: Khai thác gián tiếp nội dung bài: liên hệ về sự cần thiết và ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống con người qua BT1: Mở rộng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết trình, tranh luận cùng các bạn dựa vào ý kiến của một nhân vật trong mẩu chuyện nói về Đất, Nước, Không khí và Ánh sáng

* GDKNS: Thể hiện sự tự tin (nêu được những lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, thuyết phục; diễn đạt gãy gọn, thái độ bình tĩnh, tự tin). Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận). Hợp tác (hợp tác luyện tập thuyết trình tranh luận).

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có trách nhiệm và tự tin khi tranh luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử

- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS tổ chức thi đóng vai 1 trong 3 bạn để tranh luận cái gì quý nhất ? - Nhận xét, đưa ra giải pháp hỗ trợ. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- 3 HS đóng vai, tranh luận, lớp nhận xét. - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * Mục tiêu:- Bước đầu biết cách mở rộng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết trình, tranh luận về một vấn đề đơn giản (BT1, BT2). - Mở rộng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết trình, tranh luận về một vấn đề đơn giản (BT1, BT2). * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ nhóm - Cho HS thảo luận nhóm theo gợi ý: - Các nhân vật trong truyện tranh luận về vấn đề gì? - Ý kiến của từng nhân vật như thế nào? - HS ghi các ý sau lên bảng nhóm + Đất: có chất màu nuôi cây + Nước: vận chuyển chất màu để nuôi cây	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm hoạt động + Cái gì cần nhất đối với cây xanh + Ai cũng tự cho mình là người cần nhất đối với cây xanh - Đất nói: tôi có chất màu để nuôi cây lớn. Không có tôi cây không sống được - Nước nói: nếu chất màu không có

+ Không khí: cây cần khí trời để sống + Ánh sáng: làm cho cây cối có màu xanh - Ý kiến của bạn về vấn đề này như thế nào? - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 trao đổi về lí lẽ và dẫn chứng cho từng nhân vật ghi vào bảng nhóm - Gọi 1 nhóm lên đóng vai - Nhận xét khen ngợi <u>Kết luận:</u> Trong thuyết trình., tranh luận chúng ta cần nắm chắc được vấn đề tranh luận, thuyết trình, đưa ra được ý kiến riêng của mình, tìm những lí lẽ và dẫn chứng bảo vệ ý kiến cho phù hợp. Qua ý kiến của mỗi nhân vật các em kết luận được điều gì để cả 4 nhân vật: đất, nước, không khí, ánh sáng đều thấy được tầm quan trọng của mình? Bài 2: HĐ cả lớp => Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Bài 2 yêu cầu thuyết trình hay tranh luận? - Bài tập yêu cầu thuyết trình về vấn đề gì? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân - HS trình bày lên bảng - HS dưới lớp đọc bài của mình - GV cùng cả lớp nhận xét	nước thì vận chuyển thì cây có lớn lên được không... + HS nêu theo suy nghĩ của mình - 4 HS 1 nhóm thảo luận đưa ra ý kiến của mình và ghi vào bảng nhóm. - 1 nhóm đóng vai tranh luận, lớp theo dõi nhận xét bổ sung - HS đọc + Bài 2 yêu cầu thuyết trình + Về sự cần thiết của cả trăng và đèn trong bài ca dao - HS suy nghĩ và làm vào vở - 1 Nhóm HS viết vào bảng nhóm gắn lên bảng trình bày - HS dưới lớp đọc bài của mình
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (2 phút)	
- Qua bài học này em học được điều gì khi thuyết trình, tranh luận ?	- HS nêu.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ THUYẾT TRÌNH TRANH LUẬN**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Luyện tập về đại từ, cách thuyết trình tranh luận.
- Có kĩ năng dùng từ đặt câu, kĩ năng thuyết trình, tranh luận về 1 vấn đề nào đó.

2. Năng lực chung: - **Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,****3. Phẩm chất:** Yêu thích môn học, rèn luyện tính cẩn thận.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: vở Luyện tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: Bài tập 5, 6 trang 53, Bài 1,2 trang 54,55 - Luyện tập TV * <u>Bài 5(53)</u> - Gọi HS xác định y/c của bài tập - Y/ c HS đọc kĩ nội dung bài tìm những từ mà đại từ họ thay thế. - Gọi HS trình bày - Gọi HS nhận xét. - GV chốt lời giải đúng. - Đáp án: c * <u>Bài 6(53)</u> - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Bài yêu cầu gì? - Y/c HS tự làm bài , 1 em lên bảng làm - Gọi HS NX bài của bạn. - GV nhận xét khen. * <u>Bài 1(54)</u> - Gọi HS đọc bài tập - Y/ c HS suy nghĩ tìm lí lẽ dận chứng để điền vào chỗ chấm theo yêu cầu của bài. - Y/c các nhóm báo cáo kết quả. - GV đánh giá kết quả. * <u>Bài 2(54,55):</u> - Yêu cầu HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS nắm rõ yêu cầu của đề	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 HS đọc y/c bài - HS thảo luận nhóm đôi cùng làm bài vào vở, - HS trình bày, HS khác nhận xét bổ xung. - Vài HS nêu - 1 HS nêu - HSTL - HS thực hiện theo y/c - HS nhận xét. - HS lắng nghe - 1 HS đọc y/c bài - HS thảo luận nhóm 4 - Các nhóm nêu kết quả thảo luận - Hs đọc bài - HS tìm hiểu đề bài

bài. - GV: Các em phải tìm được những lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục mọi người về những lợi ích mà biển mang lại, những việc có người cần làm để bảo vệ lợi ích của biển. .- HS tự làm dựa vào bài tập - Gọi HS đọc bài làm. - YC các bạn khác tranh luận. - GV nhận xét và chỉnh sửa câu từ cho HS	- HS lắng nghe - HS làm bài và đọc bài - 1 Vài thuyết trình. - HS tranh luận ý kiến - HS nhận xét
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(2 phút) - Hỏi học sinh: - Thế nào là đại từ? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

SINH HOẠT LỚP TUẦN 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.
- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.
- Sinh hoạt theo chủ điểm.

2. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác nhóm.

3. Phẩm chất: Yêu quý bạn bè, thầy cô giáo, yêu trường lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, bài giảng điện tử
- HS: Đọc trước bài, SGK, máy tính hoặc điện thoại thông minh, ipad

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: - Gọi lớp trưởng lên điều hành: 2. Nội dung sinh hoạt: a. Giới thiệu: - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu. 1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua. 2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau. 3. Sinh hoạt theo chủ điểm b. Tiến hành sinh hoạt: *Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần Gv gọi lớp trưởng lên điều hành. - Nề nếp: - Học tập: - Vệ sinh: - Hoạt động khác GV: nhấn mạnh và bổ sung: - Một số bạn còn chưa có ý thức trong công tác vệ sinh. - Sách vở, đồ dùng học tập - Kỹ năng chào hỏi ? Để giữ cho trường lớp xanh - sạch- đẹp ta phải làm gì? ? Để thể hiện sự tôn trọng đối với người khác ta cần làm gì? *H. động 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo	 - Lớp trưởng lên điều hành: - Cả lớp cùng thực hiện. - HS lắng nghe và trả lời. - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm: + Tổ 1 + Tổ 2 + Tổ 3 - HS lắng nghe. - HS trả lời - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận

[illegible]

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

